

Số: /BC-CCKL

Bình Định, ngày tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả giai đoạn 2021-2023, năm 2023 thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững và Tiểu dự án 1, Dự án 3; xây dựng kế hoạch năm 2024

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kèm theo văn bản số 4482/UBND-TH ngày 03/7/2023 của UBND tỉnh; theo đó UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo kết quả giai đoạn 2021-2023, năm 2023 thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững và Tiểu dự án 1, Dự án 3; xây dựng kế hoạch năm 2024 theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại văn bản tại văn bản 4236/BNN-LN ngày 28/6/2023. Chi cục Kiểm lâm tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành văn bản số 2120/SNN-KL ngày 04/7/2023 gửi UBND huyện Hoài Ân, các công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn, Sông Kôn, Hà Thanh, Trung tâm Khuyến nông, Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng các huyện, thị xã đề nghị xây dựng kế hoạch phát triển lâm nghiệp năm 2024. Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, địa phương; Chi cục Kiểm lâm đã tổng hợp và xây dựng kế hoạch phát triển lâm nghiệp năm 2024 với các nội dung như sau:

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIAI ĐOẠN 2021-2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 809 VÀ TIỂU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 3

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN, TRIỂN KHAI CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

1. Chỉ đạo, triển khai công tác bảo vệ và phát triển rừng, cơ chế, chính sách

- Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định hàng năm trên địa bàn tỉnh; văn bản triển khai công điện của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh các Quyết định: Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Bảo vệ và phát triển rừng vùng ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030,

tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Văn bản số 5415/UBND-TH ngày 19/9/2022 về việc triển khai công tác bảo vệ và phát triển rừng năm 2022.

- Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành nhiều văn bản đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật, cháy rừng; tăng cường công tác bảo vệ chim hoang dã, chim di cư...; Văn bản số 275/SNN-KL ngày 08/02/2022 về việc triển khai thực hiện Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; Văn bản số 1806/SNN-KL ngày 18/7/2022 về việc xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030; Văn bản số 2370/SNN-KL ngày 15/9/2022 về việc triển khai công tác bảo vệ và phát triển rừng năm 2022.

- Ban hành các văn bản đôn đốc, chỉ đạo các hạt kiểm lâm như: kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ các loại động vật hoang dã...

2. Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững (Chương trình 809)

a) Công tác kiện toàn Ban Chỉ đạo, Văn phòng Ban Chỉ đạo cấp tỉnh;

- Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3347/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bình Định; Quyết định số 2787/QĐ-BCĐ ngày 25/11/2022 Ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo Chương trình.

- Tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Quyết định số 783/QĐ-SNN ngày 23/11/2022 về việc kiện toàn Văn phòng thường trực Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bình Định.

b) Công tác chỉ đạo, hướng dẫn triển khai, phối hợp, kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình

- Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 về việc phê duyệt Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Quyết định số 580/QĐ-SNN ngày 16/9/2022 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định; văn bản số 2680/SNN-KL ngày 12/10/2022 về việc xây dựng Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2021-2025.

3. Tiểu dự án 1, Dự án 3

Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp, triển khai thực hiện công tác bảo vệ và phát triển rừng thực hiện Tiểu dự án 1, dự án 3: Tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Văn bản số 2915/HD-SNN ngày 28/10/2022 về hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu Dự án 1, Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025; Văn bản số 3005/SNN-KL ngày 03/11/2022 về việc triển khai thực hiện Tiểu Dự án 1, dự án 3 Chương trình

MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025; Văn bản số 3235/SNN-KL ngày 21/11/2022 về việc rà soát diện tích và kinh phí khoán quản lý bảo vệ rừng năm 2021 và năm 2022 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Chương trình 809

1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch

a) Về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng

- Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR); công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại các khu rừng đặc dụng,...

+ Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng giai đoạn 2021-2023 được thực hiện tương đối tốt, hàng năm các hạt kiểm lâm đã phối hợp với các ngành chức năng và chủ rừng tổ chức tuần tra, kiểm tra rừng và chốt chặn bảo vệ rừng tại các địa bàn trọng yếu; thường xuyên tổ chức tuần tra bảo vệ rừng. Các đơn vị, chủ rừng triển khai các biện pháp PCCCR ở cơ sở; thường xuyên theo dõi cấp dự báo cháy rừng, tổ chức tuần tra, kiểm tra rừng, nhất là những vùng trọng điểm, nguy cơ cháy rừng cao. Các hạt kiểm lâm đã tổ chức tuyên truyền qua Đài Truyền thanh cấp xã và phối hợp với các ban, mặt trận và hội đoàn thể ở địa phương tổ chức tuyên truyền pháp luật về bảo vệ rừng và PCCCR.

+ Các chủ rừng đã tổ chức lực lượng bảo vệ rừng phối hợp cùng các hộ gia đình, cộng đồng địa phương nhận khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên giai đoạn năm 2021-2023.

+ Diện tích thực hiện giai đoạn năm 2021-2023: khoán bảo vệ rừng 144.662,38 lượt ha; Hỗ trợ bảo vệ rừng 89.459,49 lượt ha; khoán khoanh nuôi tái sinh rừng 11.088,8 lượt ha.

+ Công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại các khu rừng đặc dụng: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Định có 04 khu rừng đặc dụng, cụ thể: Khu Bảo tồn thiên nhiên An Toàn, huyện An Lão: 22.682,09 ha; Khu rừng lịch sử, văn hóa cảnh quan Núi Bà, huyện Phù Cát: 8.308,39 ha; Khu rừng lịch sử, văn hóa, cảnh quan Vườn Cam - Nguyễn Huệ, huyện Vĩnh Thạnh: 209,82 ha; Khu rừng lịch sử cảnh quan Quy Hòa - Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn: 1.639,35 ha.

b) Phát triển rừng và nâng cao năng suất, chất lượng rừng

- Diện tích thực hiện giai đoạn năm 2021-2023: Trồng rừng 35.026 ha, chăm sóc rừng trồng: 58.500 lượt ha. Những năm gần đây tỉnh đã có chủ trương xây dựng, phát triển trồng rừng phòng hộ hỗn loài trên quy mô rộng, nhiều loài cây bản địa như Sao đen, Lim xanh đã được đưa vào trồng rừng nâng cao hiệu quả phòng hộ, góp phần, phục hồi hệ sinh thái rừng, bảo vệ đa dạng sinh học. Đối với trồng rừng sản xuất chủ yếu là trồng lại rừng sau khai thác, rừng sản xuất được đầu tư theo hướng thâm canh, nâng cao năng suất, công tác chọn lựa chọn giống cây trồng chất lượng cao ngày càng được chú trọng.

- Năng suất rừng trồng bình quân năm 2020 là 20 m³/ha/năm, đến nay là 22 m³/ha/năm; đối với rừng trồng sản xuất cây gỗ lớn, năng suất bình quân đạt tới 25 m³/ha/năm.

- Chất lượng cây giống của tỉnh được kiểm soát nguồn gốc giống thông qua việc thẩm định, công nhận nguồn giống đối với giống cây trồng lâm nghiệp chính, như: Phi lao, Sao đen, Lim xanh, Thông Caribê, Keo lá tràm, Bạch đàn và Keo lai. Đối với giống cây không thuộc danh mục giống cây trồng lâm nghiệp chính, nếu trồng rừng bằng vốn ngân sách nhà nước thì cây giống phải được kiểm tra chất lượng trước khi đem đi trồng rừng.

- Trồng cây phân tán: Ngày 24/3/2021, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 36/KH-UBND về việc triển khai thực hiện Chương trình trồng mới một tỷ cây xanh giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh. Theo đó, kế hoạch đến năm 2025 tổng diện tích trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh là 11.027.403 cây (trồng cây phân tán 9.115.500 cây; trồng rừng tập trung 1.911.903 cây); tuy nhiên theo kế hoạch các huyện xây dựng thì khối lượng thực hiện cả giai đoạn 2021-2025 là: 9.011.384 cây, giảm 2.016.019 cây (trồng cây phân tán giảm 1.157.076 cây; trồng rừng tập trung giảm 858.943 cây) so với nhiệm vụ trồng cây xanh trên toàn tỉnh tại Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 24/3/2021 vì quỹ đất phù hợp để trồng cây xanh tại các địa phương hạn chế. Lũy kế từ năm 2021 đến nay toàn tỉnh đã trồng được 1.281.905 cây, tương đương với 1.281,905 ha đạt 14,21% so với kế hoạch chung của cả giai đoạn 2021-2025. Trong đó: Trồng cây phân tán: 1.028.165 cây (khu vực đô thị: 568.085 cây; khu vực nông thôn: 460.080 cây); Trồng dọc các tuyến Đường, công viên, quảng trường; trong khuôn viên các trụ sở, trường học, và các công trình công cộng khác; Trồng rừng phòng hộ và trồng rừng sản xuất: 253.740 cây (Trồng rừng phòng hộ: 41.950 cây; trồng rừng sản xuất: 211.790 cây).

- Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng từ 2021 đến tháng 6/2023: Đã khai thác được 19.098 ha, sản lượng gỗ khai thác 2.508.961 tấn.

c) Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng

- Xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững: Đến nay trên địa bàn tỉnh đã có 08 đơn vị (*trên tổng số 12 đơn vị*) được UBND tỉnh phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, gồm: 03 Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn, Hà Thanh, Sông Kôn và 05 Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng (Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn và các Ban Quản lý rừng phòng hộ Hoài Ân, Phù Cát, Phù Mỹ, Vĩnh Thạnh).

- Diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC: Đến nay, diện tích rừng được cấp chứng chỉ trên địa bàn tỉnh 10.330,5 ha; trong đó: diện tích rừng tự nhiên 1.450,0 ha, diện tích khoanh nuôi tái sinh (khu vực bảo vệ ven suối) 217,0 ha, diện tích rừng trồng: 8.663,5 ha.

d) Nhiệm vụ khác: Thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ triển khai Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia; kế hoạch cơ cấu lại lĩnh vực lâm nghiệp; các đề án, dự án liên quan

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định (*Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 06/6/2022*).

- Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia: UBND tỉnh đã cung cấp thông tin phục vụ lập Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT (văn bản số 64/UBND-KT ngày 06/01/2022).

- Kế hoạch cơ cấu lại lĩnh vực lâm nghiệp; các đề án, dự án liên quan: Chi cục Kiểm lâm đã xây dựng Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp thuộc lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bình Định báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT và được Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp chung trong lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT và tham mưu UBND ban hành Quyết định Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025 (*Quyết định số 4547/QĐ-UBND ngày 15/11/2021*).

2. Tình hình huy động, phân bổ kinh phí

Từ năm 2021 đến năm 2023 ngân sách Trung ương phân bổ cho tỉnh Bình Định 59.402 triệu đồng; trong đó: Kinh phí sự nghiệp: 54.402 triệu đồng; kinh phí đầu tư: 5.000 triệu đồng.

- Thu từ nguồn vốn dịch vụ môi trường rừng: 42.267,715 triệu đồng.

- Chi trả dịch vụ môi trường rừng: Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật; công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách thường xuyên đã từng bước góp phần làm thay đổi nhận thức, ý thức của người dân, tác động tích cực đến công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng trên những lưu vực cung ứng DVMTR và được chi trả tiền DVMTR. Những khu rừng cung ứng DVMTR giao khoán cho hộ gia đình, cộng đồng dân cư bảo vệ chưa phát hiện tình trạng phá rừng hoặc cháy rừng. Ý thức trách nhiệm trong bảo vệ rừng của người dân, cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số được nâng cao. Nguồn thu từ DVMTR đã góp phần cải thiện cuộc sống của một bộ phận người dân, nâng cao hiệu quả việc bảo vệ rừng. Đối với đơn vị là tổ chức, nguồn kinh phí thu được từ DVMTR là nguồn tài chính đáng kể cho việc tăng cường lao động tuần tra bảo vệ phát triển rừng.

3. Tiểu Dự án 1, Dự án 3

a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ

- Khoán bảo vệ rừng: 218.287,09 lượt ha.

- Hỗ trợ bảo vệ rừng: 1.440,98 lượt ha.

b) Kết quả huy động, phân bổ kinh phí thực hiện Tiểu dự án (nguồn vốn NSTW cấp cho thực hiện Tiểu dự án)

- Ngân sách Trung ương và địa phương: 90.778 triệu đồng ; trong đó: ngân sách Trung ương là 81.760 triệu đồng và địa phương 9.018 triệu đồng.

3. Đánh giá

a) Kết quả đạt được

- Công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bình Định, sự quan tâm phối hợp của các cấp, các ngành.

- Cấp ủy, chính quyền các cấp và các đơn vị có liên quan đã triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về tăng cường các biện pháp bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng nên đã có sự chuyển biến về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của một bộ phận nhân dân đối với sự nghiệp phát triển bền vững tài nguyên rừng, từ đó xác định được việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác bảo vệ, phát triển rừng và phát triển ngành lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, lực lượng trong quản lý, bảo vệ rừng tiếp tục được củng cố, tăng cường, góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ, phát triển rừng.

- Diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng phòng hộ ven biển, rừng trồng phòng hộ, đặc dụng môi trường cảnh quan chủ yếu được giao khoán bảo vệ, khoán khoán nuôi tái sinh cho các hộ, gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn sống ở gần rừng.

Năm 2021, nguồn kinh phí Trung ương phân bổ cho công tác bảo vệ rừng không đủ, năm 2022 nguồn kinh phí Trung ương phân bổ rất chậm; nguồn kinh phí cho trồng và chăm sóc rừng từ 2022 và 2023 không có; nhưng với nỗ lực của các chủ rừng và các hộ nhận khoán đã tích cực thực hiện bảo vệ rừng; do đó công tác bảo vệ rừng được thực hiện tương đối tốt, hạn chế được việc phá rừng làm nương rẫy, khai thác gỗ, chặt củi đốt than; đồng thời tạo được mối liên kết gắn bó giữa người dân với chủ rừng; hỗ trợ tích cực cho các ngành chức năng trong công tác bảo vệ phát triển rừng.

b) Tồn tại

- Công tác bảo vệ rừng nhìn chung được thực hiện tốt, nhưng rừng tự nhiên vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn do sự tác động ngày càng nhiều vào rừng của con người nhất là nạn phá rừng, khai thác gỗ trái phép; các giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học chưa được quan tâm, biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt. Sinh trưởng của rừng đặc biệt là rừng trồng đang bị đe dọa bởi thời tiết cực đoan, nắng nóng kéo dài dễ xảy ra cháy rừng; gió bão gây đổ gãy gây thiệt hại cho rừng trồng.

- Các hoạt động sản xuất lâm nghiệp đã bước đầu thu hút sự tham gia của toàn xã hội và đang chuyển hướng theo hướng phát triển lâm nghiệp xã hội, với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn, tồn tại, như: Nhận thức của xã hội về vai trò, lợi ích của rừng và nghề rừng còn rất khác nhau; sự tham gia của người dân trong quá trình phát triển lâm nghiệp còn thấp. Vai trò và tác động của rừng và nghề rừng đối với xóa đói giảm nghèo chưa cao.

- Công tác giao rừng, thuê rừng thống nhất, đồng bộ với giao đất, thuê đất lâm nghiệp chưa được triển khai đồng bộ; hiện nay trên địa bàn tỉnh mới có 03 công ty TNHH lâm nghiệp nhà nước, 01 Ban Quản lý rừng đặc dụng và 02 Ban Quản lý rừng phòng hộ có quyết định giao đất, cho thuê đất; còn lại 05 Ban Quản lý rừng phòng hộ chưa có quyết định giao đất, cho thuê đất. Phần lớn các hộ gia

đình, cá nhân chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp để phát triển sản xuất lâm nghiệp lâu dài, ổn định.

c) Nguyên nhân

- Sản xuất lâm nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài, rủi ro lớn, chủ yếu phụ thuộc vào thời tiết, mùa vụ; hiện trường sản xuất trải rộng, tập trung chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, địa hình khó khăn phức tạp, hạ tầng thấp kém đặc biệt là đường giao thông đến các khu rừng; đời sống người dân còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí còn hạn chế. Những hạn chế này ảnh hưởng rất lớn đến công tác bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh.

- Do biến đổi khí hậu nên thời tiết diễn biến phức tạp, mùa khô hạn kéo dài dẫn đến nguy cơ xảy ra cháy rừng rất cao.

- Nhu cầu sử dụng đất sản xuất ngày càng lớn do sự gia tăng dân số, tốc độ đô thị hoá, giá gỗ nguyên liệu tăng dẫn đến nguy cơ xâm hại đến rừng tự nhiên là rất lớn, gây khó khăn không nhỏ cho công tác bảo vệ rừng.

- Về lực lượng kiểm lâm hiện chưa đủ biên chế so với diện tích rừng hiện có; các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng đang quản lý diện tích rừng lớn nhưng chưa được bố trí đủ nhân lực chuyên trách bảo vệ rừng theo quy định hiện hành nên không đủ sức bảo vệ rừng được giao.

- Ngân sách nhà nước bố trí cho lĩnh vực lâm nghiệp còn hạn chế, dẫn đến không có kinh phí thực hiện việc đo đạc diện tích, điều tra hiện trạng rừng để thực hiện giao đất gắn với giao rừng cho các Ban Quản lý rừng phòng hộ.

d) Những vấn đề đặt ra cần giải quyết

- Tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng nhằm bảo vệ diện tích rừng hiện có, phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học; hạn chế tối đa các hoạt động phá rừng, khai thác rừng trái phép; từng bước nâng cao năng suất, chất lượng từng loại rừng.

- Tăng cường công tác giao rừng, thuê rừng thống nhất, đồng bộ với giao đất, thuê đất lâm nghiệp, phát huy tối đa giá trị sử dụng đất lâm nghiệp, giải quyết dứt điểm các vụ việc tranh chấp đất rừng. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực trồng rừng.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng lâm nghiệp gắn với phát triển kinh tế xã hội. Tăng cường đầu tư các cơ sở chế biến lâm sản có quy mô phù hợp với từng vùng nguyên liệu, tạo ra các sản phẩm có tính cạnh tranh cao.

- Tiếp tục cải tạo nâng cao chất lượng, hiệu quả giống cây trồng lâm nghiệp; tăng cường ứng dụng giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất để rút ngắn chu kỳ kinh doanh, nâng cao hiệu quả công tác trồng rừng. Đồng thời tăng cường công tác quản lý Nhà nước về giống cây trồng, hạn chế chủ rừng mua phải giống không rõ nguồn gốc, chất lượng giống kém.

Phần II
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 809
VÀ TIÊU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 3 NĂM 2023

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tỉnh Bình Định thuộc khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, có diện tích tự nhiên 607.151,71 ha; trong đó diện tích rừng và đất lâm nghiệp thuộc 3 loại rừng là 379.464,80 ha, gồm: rừng tự nhiên: 214.259,87ha; rừng trồng: 99.741,86 ha; đất chưa có rừng: 65.463,07ha. Tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh năm 2022 đạt 56,92%. Công tác bảo vệ, phát triển rừng được Đảng, Nhà nước và các cấp, ngành từ tỉnh đến cơ sở quan tâm chỉ đạo; các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng đã được ban hành kịp thời, khá đầy đủ làm cơ sở thực hiện công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp. Lực lượng kiểm lâm và các đơn vị chủ rừng đã chủ động triển khai nhiệm vụ và có nhiều giải pháp thiết thực nên công tác bảo vệ và phát triển rừng từ đầu năm 2022 đến nay được thực hiện tương đối tốt.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2023

1. Hiện trạng đất quy hoạch cho phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất

Theo kết quả theo dõi diễn biến rừng năm 2022 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 01/3/2022, diện tích đất chưa có rừng quy hoạch cho phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất của tỉnh là 34614,08 ha; trong đó: Đất chưa có rừng quy hoạch cho phát triển rừng đặc dụng là 5.204,74 ha; cho phát triển rừng phòng hộ là 18.048,44 ha; cho phát triển rừng sản xuất là 14.489,65 ha.

2. Hiện trạng rừng

Diện tích đất có rừng của tỉnh là 345.580,6 ha, gồm: Rừng tự nhiên 214.543,61 ha, rừng trồng 131.036,99 ha; Trong đó diện tích có rừng thuộc quy hoạch 3 loại rừng 314.001,73 ha (rừng tự nhiên 214.259,87 ha; rừng trồng 99.741,86 ha), diện tích có rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng 31.578,87 ha (rừng tự nhiên 283,74 ha; rừng trồng 31.295,13 ha); Độ che phủ của rừng năm 2022 là 56,92%; Trong đó: Độ che phủ của rừng trong quy hoạch 3 loại rừng 51,72%, độ che phủ của rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng 5,2%.

3. Các nguồn lực hiện có: Vốn, lao động

a) Về vốn:

Nguồn vốn để thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng năm 2023:

- Nguồn vốn đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng: Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ; nguồn vốn ngân sách địa phương; vốn vay; vốn dịch vụ môi trường rừng.

- Nguồn vốn đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng sản xuất: Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ; vốn vay tín dụng; vốn thu được từ khai thác rừng trồng; vốn tự có của các công ty, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đầu tư trồng

và chăm sóc, bảo vệ rừng; vốn trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; vốn hưởng lợi từ khai thác rừng trồng phòng hộ.

b) Về lao động:

- Lực lượng lao động làm lâm nghiệp tại địa phương khá dồi dào, người dân cần cù lao động; tuy nhiên tại địa bàn các xã miền núi chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số, đời sống còn khó khăn, chưa có kinh nghiệm trong sản xuất, chưa được tiếp cận nhiều với các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất.

- Lao động sản xuất nông, lâm nghiệp mang tính chất đặc thù riêng biệt là mùa vụ, vì vậy không có việc làm thường xuyên cho người lao động, do đó không tạo được nguồn lao động thường xuyên mà chủ yếu là tận dụng nguồn lao động những tháng nông nhàn.

4. Chương trình 809

a) Về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng

- Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng 6 tháng đầu năm 2023 được thực hiện tương đối tốt, từ đầu năm đến nay các hạt kiểm lâm đã phối hợp với các ngành chức năng và chủ rừng tổ chức tuần tra, kiểm tra rừng và chốt chặn bảo vệ rừng tại các địa bàn trọng yếu; tổ chức 1.393 đợt tuần tra, truy quét bảo vệ rừng và phá bỏ 01 lán trại, 2.353 kg than và 62 lò than hầm đang hoạt động trái phép. Các đơn vị, chủ rừng triển khai các biện pháp PCCCR ở cơ sở; thường xuyên theo dõi cấp dự báo cháy rừng, tổ chức tuần tra, kiểm tra rừng, nhất là những vùng trọng điểm, nguy cơ cháy rừng cao,... Từ đầu năm đến nay, xảy ra 02 vụ cháy rừng, diện tích đám cháy 34.420 m². So với cùng kỳ năm 2022, số vụ cháy rừng tăng 02 vụ. Các hạt kiểm lâm đã tổ chức 225 lượt tuyên truyền qua Đài Truyền thanh cấp xã và phối hợp với các ban, mặt trận và hội đoàn thể ở địa phương tổ chức 53 đợt tuyên truyền pháp luật về bảo vệ rừng và PCCCR, có 5.069 lượt người tham dự, 305 hộ gia đình ký cam kết bảo vệ rừng. Các chủ rừng đã tổ chức lực lượng bảo vệ rừng phối hợp cùng các hộ gia đình, cộng đồng địa phương đã nhận khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, bảo vệ tốt 120.330,47 ha rừng và 461,4 ha đất lâm nghiệp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên. Trong đó, diện tích rừng thuộc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững: 43.374,4 ha; ước năm 2023 diện tích bảo vệ rừng 43.374,4 ha ha; Tiểu Dự án 1, Dự án 3: 73.335,4 ha; khoán bảo vệ rừng khác: 3.620,67 ha. Cụ thể diện tích bảo vệ rừng, khoán bảo vệ rừng Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững như sau:

- Diện tích bảo vệ rừng tự nhiên của các công ty lâm nghiệp: 20.048,68 ha.

- Diện tích bảo vệ rừng đặc dụng: 14.657,34 ha.

- Diện tích rừng khoán bảo vệ, khoán khoanh nuôi Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững: 43.374,4 ha.

b) Phát triển rừng và nâng cao năng suất, chất lượng rừng

- Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng: Kế hoạch năm 2023, trồng rừng tập trung 8.780 ha. Trong đó, trồng rừng phòng hộ, đặc dụng 160 ha (trồng mới 60 ha; trồng lại rừng sau khai thác 100 ha); trồng rừng sản xuất 8.620 ha. Từ đầu năm đến nay, đã trồng được 1.028,35 ha.

- Kết quả thực hiện Trồng rừng cây gỗ lớn: Kế hoạch năm 2023, trồng 4.450 ha. Hiện nay, các Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh, Quy Nhơn và Sông Côn đang chuẩn bị đất thực hiện trồng rừng gỗ lớn trên diện tích trồng lại rừng sau khai thác; hộ gia đình, cá nhân ở các huyện, thị xã và thành phố Quy Nhơn đang thực hiện chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn theo hợp đồng liên kết với Công ty Cổ phần Năng lượng sinh học Phú Tài và Công ty TNHH Năng lượng Sinh học Tín Nhân và Công ty TNHH Lâm nghiệp Thiện Hoàng.

- Tình hình thực hiện Chương trình trồng mới một tỷ cây xanh năm 2023, toàn tỉnh sẽ thực hiện trồng 1.731,65 ha; trong đó: Trồng rừng tập trung 243,01ha; trồng cây phân tán: 1.488,64 ha. Từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh đã trồng được 89.215 cây (tương đương 89,215 ha).

- Khai thác rừng trồng: Kế hoạch năm 2023, tổng diện tích khai thác rừng trồng là 9.092 ha. Trong đó, diện tích khai thác rừng trồng phòng hộ 210 ha; diện tích khai thác rừng trồng sản xuất 8.882 ha. Từ đầu năm đến nay, đã khai thác được 2.716,51 ha, sản lượng khai thác đạt 362.201,33 m³.

- Về Khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên: Trong 6 tháng đầu năm 2022, các đơn vị trên địa bàn tỉnh tiếp tục tổ chức bảo vệ tốt diện tích diện tích 377,8 ha, khoanh nuôi mới 83,6 ha.

c) Nhiệm vụ khác:

- Công tác rà soát, điều chỉnh quy hoạch lâm nghiệp theo cơ cấu 3 loại rừng giai đoạn năm 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh: Đến nay, Trung tâm Quy hoạch Nông nghiệp và Nông thôn đã triển khai làm việc với 11 huyện, thị xã, thành phố để rà soát, điều chỉnh 3 loại rừng. Đã thực hiện rà soát danh mục công trình, dự án có sử dụng đất lâm nghiệp liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025, định hướng 2030; rà soát, tổng hợp nhu cầu chuyển đất trồng cây lâm nghiệp sang đất trồng cây lâu năm, cây ăn quả; rà soát các công trình, dự án đã có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng; danh mục công trình, dự án đã có quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng; rà soát nhu cầu chuyển mục đích sang khai thác mỏ khoáng sản, vật liệu xây dựng và các vùng sạt lở để đưa vào quy hoạch lâm nghiệp.

- Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp chính cho 51 nguồn giống với tổng diện tích 15,42 ha.

d) Tình hình huy động, phân bổ kinh phí

Năm 2023, kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương phân bổ cho tỉnh là 23.651 triệu đồng. Kinh phí đầu tư phát triển (chăm sóc rừng trồng giai đoạn 2016 - 2020 chuyển qua) không được Trung ương phân bổ.

(Tổng kinh phí chăm sóc rừng trồng môi trường cảnh quan và rừng ngập mặn và duy tu đường ranh cản lửa năm 2022, 2023 thuộc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025 là 1.774,917 triệu đồng; Trong đó: năm 2022 là 1.174,423 triệu đồng, năm 2023 là 600,494 triệu đồng).

+ Kế hoạch thu DVMTR năm 2023 là 14.000.000.000 đồng.

+ Thu tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác 6 tháng đầu năm 2023 là 13.980.081.546 đồng.

6. Tiêu Dự án 1, Dự án 3

a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ

- Khoán bảo vệ rừng: 72.914,91 ha.

- Hỗ trợ bảo vệ rừng: 720,49 ha.

b) Kết quả huy động, phân bổ kinh phí thực hiện Tiêu dự án (nguồn vốn NSTW cấp cho thực hiện Tiêu dự án)

Kinh phí ngân sách Nhà nước phân bổ cho công tác bảo vệ rừng; khoán bảo vệ rừng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023: 59.295 triệu đồng; trong đó ngân sách Trung ương: 52.333 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 6.296 triệu đồng.

7. Đánh giá

a) Kết quả đạt được

- Công tác bảo vệ rừng, khoán bảo vệ rừng và khoán khoán nuôi tái sinh rừng được các đơn vị triển khai kịp thời và bảo vệ tốt.

- Lực lượng kiểm lâm, chủ rừng và các đơn vị ở địa phương tăng cường tổ chức tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng; tổ chức lực lượng chốt chặn các điểm trọng yếu để ngăn chặn tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản; phối hợp kiểm tra, ngăn chặn việc phá rừng, khai thác rừng, lấn, chiếm rừng trái pháp luật, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

b) Hạn chế, tồn tại

- Tình trạng người dân lén lút phá rừng với hình thức lấn biên rừng để mở rộng diện tích nương rẫy hoặc trồng rừng kinh tế; khai thác rừng, lấn chiếm rừng, mua, bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật vẫn còn xảy ra ở một số địa phương.

- Trồng rừng kinh doanh gỗ lớn có chu kỳ dài, chi phí đầu tư lớn nhưng lãi suất vay từ các ngân hàng thương mại thường cao, hạn mức vay có hạn, thời gian vay ngắn, gây khó khăn cho các công ty lâm nghiệp cũng như hộ gia đình có nhu cầu vay vốn trồng rừng gỗ lớn. Trong khi đó, các chính sách theo các nghị định, quyết định của Trung ương thì các chủ rừng khó tiếp cận.

- Tiến độ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững của các chủ rừng còn chậm, một số đơn vị chưa triển khai thực hiện.

- Việc triển khai thực hiện kế hoạch Trồng mới một tỷ cây xanh tại địa phương còn chậm.

- Sản lượng gỗ khai thác rừng trồng chưa đạt kế hoạch. Khối lượng gỗ khai thác 6 tháng đầu năm chủ yếu là các chủ rừng khai thác để giải quyết các hợp đồng đã ký từ năm 2022.

c) Nguyên nhân

- Nhu cầu đất trồng rừng của người dân lớn nên tìm cách lén lút phá rừng; phát nương rẫy lấn vào rừng tự nhiên.

- Thời tiết nắng nóng khô hanh kéo dài, trên toàn tỉnh cấp dự báo cháy rừng thường xuyên ở cấp IV, cấp V. Mặt khác, một số diện tích rừng gần khu dân cư,

người dân thường xuyên sử dụng lửa đốt rác, đốt tổ ong... Do đó, khi gặp thời tiết bất lợi dễ xảy ra cháy rừng.

- Trồng rừng sản xuất cây gỗ lớn yêu cầu kinh phí đầu tư lớn, thời gian chăm sóc dài và dễ bị rủi ro thiệt hại do gió bão, cháy rừng... Trong khi đó, người trồng rừng còn khó khăn về kinh tế, các chính sách của nhà nước về hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn chưa thực hiện được vì kinh tế khó khăn, mức hỗ trợ còn thấp nên chưa khuyến khích được người dân tham gia trồng rừng gỗ lớn.

- Kinh phí xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững của Ban Quản lý rừng phòng hộ thuộc nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện, nhưng đến nay vẫn còn một số UBND cấp huyện chưa bố trí được kinh phí, nên các Ban Quản lý rừng phòng hộ chưa triển khai thực hiện được.

- Công tác triển khai thực hiện Kế hoạch trồng một tỷ cây xanh gặp khó khăn về nguồn kinh phí; quỹ đất để trồng cây xanh tại địa phương rất hạn chế.

- Năm 2023, giá gỗ trên thị trường giảm mạnh (gỗ gia dụng giảm khoảng 500.000 đồng/m³; gỗ nguyên liệu dăm giảm khoảng 800.000 đồng/m³). Do đó, đa số các chủ rừng tạm ngừng khai thác để chờ giá gỗ tăng.

d) Những vấn đề đặt ra cần giải quyết

- Tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng nhằm bảo vệ diện tích rừng hiện có, phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học; hạn chế tối đa các hoạt động phá rừng, khai thác rừng trái phép; từng bước nâng cao năng suất, chất lượng từng loại rừng.

- Tăng cường công tác giao rừng, thuê rừng thống nhất, đồng bộ với giao đất, thuê đất lâm nghiệp, phát huy tối đa giá trị sử dụng đất lâm nghiệp, giải quyết dứt điểm các vụ việc tranh chấp đất rừng. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực trồng rừng.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng lâm nghiệp gắn với phát triển kinh tế xã hội. Tăng cường đầu tư các cơ sở chế biến lâm sản có quy mô phù hợp với từng vùng nguyên liệu, tạo ra các sản phẩm có tính cạnh tranh cao.

- Tiếp tục cải tạo nâng cao chất lượng, hiệu quả giống cây trồng lâm nghiệp; tăng cường ứng dụng giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất để rút ngắn chu kỳ kinh doanh, nâng cao hiệu quả công tác trồng rừng. Đồng thời tăng cường công tác quản lý Nhà nước về giống cây trồng, hạn chế chủ rừng mua phải giống không rõ nguồn gốc, chất lượng giống kém.

III. KẾ HOẠCH LÂM NGHIỆP NĂM 2024

1. Bối cảnh xây dựng

Năm 2024 là năm bút phá để hoàn thành Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội thế giới và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Trong khi đó, kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn rủi ro, đặt ra nhiều thách thức cho quá trình phát triển bền vững, do đó, nhiệm vụ đặt ra trong năm 2024 có nhiều khó khăn.

Để tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được, vượt qua các khó khăn thách thức, việc xây dựng kế hoạch phát triển lâm nghiệp năm 2024 phải được xây dựng

trên cơ sở đánh giá đầy đủ, kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển lâm nghiệp năm 2023, các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và dự báo tình hình trong nước, thế giới và khu vực trong giai đoạn tới tác động, ảnh hưởng đến phát triển lâm nghiệp; từ đó xác định kế hoạch năm 2024 phù hợp với mục tiêu phát triển của kế hoạch 5 năm 2021-2025.

2. Mục tiêu

a) Bảo vệ và xây dựng ổn định diện tích rừng tự nhiên hiện có, nâng cao chất lượng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất. Phát huy chức năng phòng hộ đầu nguồn, độ che phủ rừng đến năm 2024 đạt 57,7%, góp phần cải thiện môi trường, cân bằng sinh thái, chống xói mòn, hạn chế thiên tai, tạo nguồn sinh thủy và bảo tồn tính đa dạng sinh học;

b) Hình thành các vùng rừng trồng gỗ lớn tập trung, tạo ra nguồn nguyên liệu từ rừng trồng đáp ứng nhu cầu cho công nghiệp chế biến.

c) Thực hiện lồng ghép chương trình phát triển lâm nghiệp với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, góp phần tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo cho người dân trên địa bàn.

3. Nhiệm vụ

a) Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2024

- Khoán bảo vệ rừng: 47.767 ha; trong đó Khoán chuyển tiếp 47.716,0 ha; khoán mới 51 ha.

- Khoán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: 486,0 ha; trong đó Khoán chuyển tiếp 462,0 ha; khoán mới 24 ha.

- Hỗ trợ bảo vệ rừng: 34.705,61 ha; trong đó: Hỗ trợ bảo vệ rừng tự nhiên là rừng đặc dụng, hỗ trợ cộng đồng dân cư vùng đệm của Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn: 14.657,34 ha. Hỗ trợ bảo vệ rừng tự nhiên là rừng sản xuất trong thời gian đóng cửa rừng: 20.048,27 ha (Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn 6.743,07 ha; Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh 13.305,20 ha).

- Chăm sóc rừng trồng: 19.500 ha.

- Trồng rừng tập trung: 8.000 ha; trong đó, trồng rừng phòng hộ, đặc dụng 150 ha, trồng rừng sản xuất 7.850 ha (trong đó trồng rừng gỗ lớn 2.000 ha).

- Quản lý rừng bền vững: Tiếp tục xây dựng phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT đối với 04 Ban Quản lý rừng phòng hộ còn lại trên địa bàn tỉnh.

- Diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững 2024 dự kiến là: 4.000 ha.

- Nhu cầu vốn: Tổng dự toán nhu cầu vốn ngân sách nhà nước năm 2024: 26.702,424 triệu đồng; Trong đó:

+ Vốn đầu tư phát triển NSDP: 1.871 triệu đồng;

+ Vốn sự nghiệp NSTW: 24.381,424 triệu đồng;

- Cơ chế huy động vốn

+ Ngân sách Trung ương đầu tư, hỗ trợ cho công tác bảo vệ rừng tự nhiên, rừng trồng phòng hộ ven biển và rừng trồng phòng hộ, đặc dụng môi trường, cảnh quan.

+ Ngân sách địa phương trả nợ kinh phí chăm sóc rừng trồng môi trường cảnh quan và rừng ngập mặn và duy tu đường ranh cảnh lửa năm 2022, 2023 và bố trí kinh phí 2024 thuộc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (rừng trồng từ giai đoạn 2016 - 2020 chuyển sang).

+ Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng và chế biến lâm sản.

+ Tăng cường hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế; thu hút nguồn vốn ODA của các nước, tổ chức phi Chính phủ đầu tư cho bảo vệ, phát triển rừng của tỉnh, khuyến khích các nhà đầu tư, các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực lâm nghiệp.

+ Lồng ghép các dự án phát triển lâm nghiệp với các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo, phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

+ Sử dụng có hiệu quả tiền chi trả DVMTR trên địa bàn tỉnh.

b) Tiểu Dự án 1, Dự án 3

- Tổng diện tích rừng giao khoán quản lý bảo vệ cho các đối tượng thuộc khu vực III: 81.615 ha; Trong đó khoán chuyển tiếp 72.615ha; khoán mới 9.000ha.

- Hỗ trợ bảo vệ rừng: 720,49ha.

- Nhu cầu vốn: Tổng dự toán nhu cầu vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước năm 2024: 35.000 triệu đồng.

4. Giải pháp thực hiện

a) Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật: Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, phổ biến công tác bảo vệ và phát triển rừng cho nhân dân nhất là người dân ở các vùng rừng, ven rừng về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác bảo vệ và phát triển rừng; tiếp tục thực hiện vận động các hộ gia đình, cộng đồng thôn bản sống trong và gần rừng ký cam kết bảo vệ rừng, thay đổi nhận thức tập quán sản xuất lâm nghiệp quảng canh sang thâm canh, kết hợp sản xuất gỗ nhỏ và gỗ lớn có giá trị kinh tế cao. Xây dựng tin, bài, phóng sự gương người tốt, việc tốt, những điển hình tiên tiến trong công tác bảo vệ và phát triển rừng để tuyên truyền, nhân rộng trong mọi tầng lớp nhân dân.

b) Về quản lý quy hoạch rừng và đất lâm nghiệp: Quản lý chặt chẽ, điều chỉnh kịp thời quy hoạch 3 loại rừng cho phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh; thực hiện xã hội hóa lâm nghiệp cho các năm tiếp theo; giải quyết dứt điểm các vụ việc tranh chấp đất rừng; hạn chế tình trạng xâm canh trồng rừng để người dân và các doanh nghiệp yên tâm đầu tư trồng rừng.

c) Về khoa học, công nghệ và khuyến lâm

- Tăng cường công tác quản lý giống cây lâm nghiệp theo quy định của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Đẩy mạnh sản xuất giống bằng công nghệ sinh học đảm bảo cây trồng có năng suất, chất lượng cao. Tăng cường công tác khuyến lâm, chuyển giao tiến bộ kỹ

thuật trồng lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng, trồng rừng kinh tế thâm canh chất lượng cao.

- Nâng cao chất lượng rừng tự nhiên bằng các biện pháp lâm sinh như cải tạo rừng, khoan nuôi tái sinh, nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng...

d) Về hợp tác quốc tế và xúc tiến thương mại: Tăng cường xúc tiến đầu tư, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường tiêu thụ các loại lâm sản, lâm sản ngoài gỗ. Kêu gọi, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất lâm nghiệp, chế biến lâm sản.

đ) Huy động các nguồn vốn

- Thực hiện đa dạng nguồn vốn để thực hiện Chương trình, tăng cường huy động vốn từ các nguồn đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân;

- Sử dụng có hiệu quả tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh

- Lồng ghép các dự án phát triển lâm nghiệp với các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo, phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

5. Tổ chức triển khai thực hiện

a) Sở Nông nghiệp và PTNT: Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển ngành lâm nghiệp năm 2024; Chỉ thị số 13-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Luật Lâm nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Lâm nghiệp.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT cân đối và bố trí kế hoạch vốn ngân sách hàng năm đủ và kịp thời để thực hiện có hiệu quả các nội dung Chương trình phát triển Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT giải quyết các vấn đề về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp gắn với giao rừng, cho thuê rừng theo quy hoạch đã được phê duyệt.

d) UBND các huyện, thành phố

- Chịu trách nhiệm về công tác quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp, công tác bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng tại địa phương.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT để tổ chức thực hiện Chương trình phát triển ngành lâm nghiệp năm 2024 có liên quan đến ngành, địa phương mình quản lý; tổ chức thực hiện lồng ghép với các chương trình, dự án khác tại địa phương.

6. Kiến nghị

a) Với Chính phủ: Đề nghị Chính phủ tăng ngân sách đầu tư có trọng điểm cho công tác quản lý, bảo vệ rừng, xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đồng bộ; tăng biên chế cho lực lượng kiểm lâm, đảm bảo năng lực pháp lý thừa hành pháp luật trên địa bàn; tăng suất đầu tư trồng rừng phòng hộ, đặc dụng theo hướng tính đúng tính đủ chi phí theo định mức, nhằm nâng cao chất lượng

rừng trồng; tăng mức hỗ trợ khoán bảo vệ rừng bình quân từ 300.000 đồng/ha/năm lên 500.000 đồng/ha/năm.

b) Đối với Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài Chính

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT: Hỗ trợ đầu tư các cơ sở sản xuất giống, nguồn giống chất lượng cao; Hỗ trợ tăng cường công tác xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm lâm nghiệp; Tăng cường chính sách hỗ trợ khuyến khích các nhà đầu tư vào lĩnh vực lâm nghiệp từ khâu sản xuất giống, trồng rừng đến khai thác và tiêu thụ sản phẩm.

- Đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và PTNT tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ kinh phí sự nghiệp cho công tác hỗ trợ bảo vệ rừng, khoán bảo vệ rừng chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững kinh phí còn thiếu năm 2021 là: 9.165,297 triệu đồng.

c) Đối với UBND tỉnh

Chi cục Kiểm lâm kính đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, báo cáo, đề nghị UBND tỉnh bố trí ngân sách địa phương trả nợ kinh phí chăm sóc rừng trồng môi trường cảnh quan và rừng ngập mặn và duy tu đường ranh cản lửa năm 2022, 2023 và bố trí kinh phí 2024 thuộc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 (rừng trồng từ giai đoạn 2016-2020 chuyển sang) với tổng kinh phí là 1.871 triệu đồng; trong đó: Năm 2022 là 1.174,423 triệu đồng, năm 2023 là 600,494 triệu đồng; năm 2024 là 96 triệu đồng.

Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét và có văn bản báo cáo Cục Lâm nghiệp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, SDPTR.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Lê Đức Sáu